

Số: **168** /KH-UBND

Hà Nội, ngày **12** tháng 9 năm 2016

## **KẾ HOẠCH**

### **Thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 389/TB-VPCP ngày 27/11/2015 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh tại Hội nghị trực tuyến đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông báo số 267-TB/TU ngày 28/6/2016 của Thành ủy Hà Nội thông báo Kết luận của Thường trực Thành ủy về sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020;

UBND thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 như sau:

#### **1. Mục tiêu, nguyên tắc trong thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.**

- Căn cứ ngành, nghề kinh doanh của các doanh nghiệp đã được phê duyệt, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh không thuộc lĩnh vực hoạt động chính của doanh nghiệp. Thực hiện mục tiêu huy động vốn ngoài xã hội, từng bước thay đổi cơ cấu doanh nghiệp, thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp.

- Nhà nước chỉ tham gia nắm giữ cổ phần tại các doanh nghiệp theo quy định nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối (trên 50% vốn điều lệ), đối với các doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ thì bán hết, tập trung vào những doanh nghiệp có tỷ lệ vốn nhà nước dưới 50% vốn điều lệ, lựa chọn thời điểm thích hợp bán cổ phần để có hiệu quả.

#### **2. Nội dung kế hoạch.**

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Thành ủy và tình hình thực tế, trong giai đoạn 2016-2020, thành phố Hà Nội triển khai thoái vốn nhà nước đầu tư tại 96 doanh nghiệp, trong đó:

- Số doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc các Tổng công ty, Công ty mẹ - công ty con và các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước là 66 doanh nghiệp.

- Số doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố là 30 doanh nghiệp.

*(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo).*

### 3. Tổ chức thực hiện.

#### 3.1. Đối với các Thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố.

Kịp thời giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh; phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành liên quan trong việc xử lý tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện thoái vốn doanh nghiệp nhà nước.

#### 3.2. Đối với Sở Tài chính - Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố.

- Chủ trì cùng các đơn vị liên quan xây dựng lộ trình thoái vốn nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch thoái vốn doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

- Tham mưu giúp UBND Thành phố chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện thoái vốn nhà nước, phân đấu hoàn thành sớm kế hoạch đã đề ra, đảm bảo công tác thoái vốn nhà nước đạt hiệu quả cao nhất.

- Đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp và đơn vị tư vấn thực hiện quy trình, thủ tục thoái vốn nhà nước theo quy định; báo cáo đề xuất, xử lý kịp thời những tồn tại, vướng mắc phát sinh.

- Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch sáu tháng và hàng năm báo cáo Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố, UBND Thành phố.

#### 3.3. Đối với các doanh nghiệp thực hiện thoái vốn nhà nước.

- Các Tổng công ty, Công ty mẹ - công ty con, Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước, Người đại diện vốn nhà nước (phối hợp với doanh nghiệp có vốn nhà nước) triển khai Kế hoạch của UBND Thành phố kịp thời và có hiệu quả.

- Chủ động triển khai các nội dung chuẩn bị cho công tác thoái vốn nhà nước, tập trung vào các nội dung liên quan đến đất đai, tài chính, công nợ, lao động, hồ sơ tài liệu... đảm bảo để công tác thoái vốn nhà nước được thuận lợi, hoàn thành sớm hơn kế hoạch đã đề ra và đúng các quy định hiện hành.

UBND Thành phố yêu cầu các Thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố, lãnh đạo các doanh nghiệp có vốn nhà nước tập trung chỉ đạo sát sao, thường xuyên, kịp thời và tăng cường phối hợp để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đúng tiến độ và đạt chất lượng tốt. /

Nơi nhận: *Sy*

- Thường trực Thành ủy Hà Nội (để b/c);
- Thường trực HĐND Thành phố (để b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Thành viên Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp Thành phố;
- Người đại diện vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trong danh sách thoái vốn;
- VPUB; CVP, các PCVP; TH, KT;
- Công thông tin điện tử Thành phố;
- Website của Sở Tài chính;
- Lưu VT, KTd. *14022/1167*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *ca*  
KT. CHỦ TỊCH *ca*  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Doãn Toàn



# KẾ HOẠCH THOÁI VỐN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 168 /KH-UBND ngày 12/9 /2016 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch thoái vốn		Vốn nhà nước sau khi thoái	
				Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng cộng</b>		<b>10 345 449</b>	<b>4 003 600</b>		<b>4 003 600</b>		<b>0</b>	
	<b>A Các doanh nghiệp thuộc các TCT, CT mẹ - CT con</b>		<b>4 814 052</b>	<b>1 696 774</b>		<b>1 696 774</b>		<b>0</b>	
	<b>I TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị</b>								
1	1 CTCP ĐT Phú Gia Phú Quốc	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	75 000	45 000	60.0%	45 000	60.0%	0	0.0%
2	2 CTCP Xây dựng công nghiệp	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	38 000	30 068	79.1%	30 068	79.1%	0	0.0%
3	3 CT LD Xây dựng Hà Nội Bắc Kinh	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	12 319	933	7.6%	933	7.6%	0	0.0%
4	4 CTCP Đầu tư UDIC	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	45 000	3 748	8.3%	3 748	8.3%	0	0.0%
5	5 CTCP May Đức Hạnh	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	30 000	2 500	8.3%	2 500	8.3%	0	0.0%
6	6 CTCP Đầu tư XD đô thị HN	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	2 500	381	15.2%	381	15.2%	0	0.0%
7	7 CTCP UDIC Kim Bình	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	50 000	10 000	20.0%	10 000	20.0%	0	0.0%
8	8 CTCP Vật liệu XD Phúc Thịnh	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	7 451	2 262	30.4%	2 262	30.4%	0	0.0%
9	9 CTCP Vật liệu XD và XNK Hồng Hà	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	22 200	7 103	32.0%	7 103	32.0%	0	0.0%
10	10 CTCP AUSTNAM	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	17 621	5 815	33.0%	5 815	33.0%	0	0.0%
11	11 CTCP Bê tông và XD Vĩnh Tuy	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	30 000	11 930	39.8%	11 930	39.8%	0	0.0%
12	12 CTCP Bê tông Thịnh Liệt	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	40 000	16 500	41.3%	16 500	41.3%	0	0.0%
13	13 CTCP Bình Mỹ	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	40 000	16 677	41.7%	16 677	41.7%	0	0.0%
14	14 CTCP Giải pháp công nghệ UDIC	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	5 927	2 927	49.4%	2 927	49.4%	0	0.0%
15	15 CTCP Hà Thành	TCT ĐT phát triển hạ tầng đô thị	0	88		88		0	0.0%
	<b>II TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội</b>								
16	1 CTCP Đầu tư và PT nhà số 52 (CT52)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	50 000	1 025	2.1%	1 025	2.1%	0	0.0%
17	2 CTCP Đầu tư xây dựng số 9 HN (CT 9)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	160 000	9 360	5.9%	9 360	5.9%	0	0.0%
18	3 CTCP Đầu tư hạ tầng KCN và đô thị số 18 (CT18)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	52 635	5 644	10.72%	5 644	10.72%	0	0.0%
19	4 CT Tài chính CP Handico (CT 50)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	550 000	70 015	12.7%	70 015	12.7%	0	0.0%
20	5 CTCP Thương mại và Đầu tư XD số 32 HN	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	16 000	2 250	14.1%	2 250	14.1%	0	0.0%
21	6 CTCP Kinh doanh và xây dựng nhà (CT11)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	40 000	6 000	15.00%	6 000	15.00%	0	0.0%
22	7 CTCP Đầu tư và phát triển nhà số 6 (CT6)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	80 000	13 668	17.1%	13 668	17.1%	0	0.0%
23	8 CTCP Đầu tư và PT nhà HN số 36 (CT36)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	25 000	4 500	18.0%	4 500	18.0%	0	0.0%
24	9 CTCP Đầu tư phát triển nhà số 12 (CT12)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	9 900	1 945	19.7%	1 945	19.7%	0	0.0%
25	10 CTCP Vật liệu và XD nhà HN số 28 (CT28)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	2 498	500	20.0%	500	20.0%	0	0.0%

TT	TT	Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch thoái vốn		Vốn nhà nước sau khi thoái	
					Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
26	11	CTCP Xây dựng số 3 HN (CT3)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	280 000	65 875	23.5%	65 875	23.5%	0	0.0%
27	12	CTCP Đầu tư XD PT nhà HN số 17 (CT17)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	8 000	2 400	30.0%	2 400	30.0%	0	0.0%
28	13	CTCP Đầu tư và PT nhà HN số 30 (CT30)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	17 200	7 740	45.0%	7 740	45.0%	0	0.0%
29	14	CTCP Chứng khoán Hòa Bình	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	330 000	12 507	3.8%	12 507	3.8%	0	0.0%
30	15	CTCP Đầu tư xây dựng PT nhà số 7 Hà Nội	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	35 000	5 107	14.6%	5 107	14.6%	0	0.0%
31	16	CTCP Tư vấn Handic (CT29)	TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	13 500	2 201	16.3%	2 201	16.3%	0	0.0%
		<b>III TCT Vận tải Hà Nội</b>								
32	1	CTCP Vận tải và dịch vụ hàng hóa	TCT Vận tải Hà Nội	14 400	7 358	51.1%	7 358	51.1%	0	0.0%
33	2	CTCP Xe điện Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	55 000	28 050	51.0%	28 050	51.0%	0	0.0%
34	3	CTCP Bến xe Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	95 000	63 707	67.1%	63 707	67.1%	0	0.0%
35	4	CTCP Xe khách Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	16 340	14 624	89.5%	14 624	89.5%	0	0.0%
36	5	CTCP Vận tải Newway	TCT Vận tải Hà Nội	85 000	80 164	94.3%	80 164	94.3%	0	0.0%
37	6	CT LD Sakura Hanoi Plaza	TCT Vận tải Hà Nội	279 000	38 220	13.70%	38 220	13.70%	0	0.0%
38	7	CT TNHH Phát triển Giảng Võ	TCT Vận tải Hà Nội	99 150	34 703	35.0%	34 703	35.0%	0	0.0%
39	8	CTCP Vận tải và dịch vụ Liên Ninh	TCT Vận tải Hà Nội	50 000	17 500	35.0%	17 500	35.0%	0	0.0%
40	9	CTCP Đầu tư và Phát triển BĐS Hồ Tây	TCT Vận tải Hà Nội	200 000	52 000	26.0%	52 000	26.0%	0	0.0%
		<b>IV TCT Thương mại Hà Nội</b>								
41	1	CTCP Đầu tư TM và Dịch vụ Chợ Bưởi	TCT Thương mại Hà Nội	32 000	19 840	62.0%	19 840	62.0%	0	0.0%
42	2	CTCP Thực phẩm Hà Nội	TCT Thương mại Hà Nội	145 000	74 776	51.6%	74 776	51.6%	0	0.0%
43	3	CTCP Thương mại dịch vụ Tràng Thi	TCT Thương mại Hà Nội	135 000	71 995	53.3%	71 995	53.3%	0	0.0%
44	4	CT TNHH Cao ốc Á Châu	TCT Thương mại Hà Nội	12 636	5 054	40.0%	5 054	40.0%	0	0.0%
45	5	CTCP Dịch vụ -XNK Nông sản HN	TCT Thương mại Hà Nội	40 000	16 984	42.5%	16 984	42.5%	0	0.0%
46	6	CTCP Siêu thị PCSC Việt Nam	TCT Thương mại Hà Nội	18 365	6 428	35.0%	6 428	35.0%	0	0.0%
47	7	CTCP Vàng Thăng Long	TCT Thương mại Hà Nội	18 000	7 200	40.0%	7 200	40.0%	0	0.0%
48	8	CTCP Thương mại Thời trang Hà Nội	TCT Thương mại Hà Nội	100 000	49 028	49.0%	49 028	49.0%	0	0.0%
		<b>V TCT Du lịch Hà Nội</b>								
49	1	CTCP chứng khoán Asean	TCT Du lịch Hà Nội	35 000	800	2.3%	800	2.3%	0	0.0%
50	2	CTCP chứng khoán Hòa Bình	TCT Du lịch Hà Nội	330 000	14 000	4.2%	14 000	4.2%	0	0.0%
51	3	CTCP Quốc Tế Asean	TCT Du lịch Hà Nội	20 000	2 172	10.9%	2 172	10.9%	0	0.0%
52	4	CTCP Thương mại dịch vụ Hà Nội	TCT Du lịch Hà Nội	5 000	987	19.7%	987	19.7%	0	0.0%
53	5	CTCP Đông Đô	TCT Du lịch Hà Nội	5 000	1 000	20.0%	1 000	20.0%	0	0.0%
54	6	CT TNHH Liên doanh Khách sạn Việt Nam	TCT Du lịch Hà Nội	3 200	1 200	37.5%	1 200	37.5%	0	0.0%

TT	TT	Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch thoái vốn		Vốn nhà nước sau khi thoái	
					Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
55	7	CT TNHH Làng Đoàn kết	TCT Du lịch Hà Nội	147 247	41 229	28.0%	41 229	28.0%	0	0.0%
56	8	CT TNHH Du lịch và Thương mại Hoàn Kiếm	TCT Du lịch Hà Nội	43 902	10 975	25.0%	10 975	25.0%	0	0.0%
57	9	CT TNHH Du lịch và Thương mại Hoàng Ngân	TCT Du lịch Hà Nội	23 452	5 863	25.0%	5 863	25.0%	0	0.0%
	<b>VI</b>	<b>CT TNHH 1TV Haprosimex</b>								
58	1	CTCP Haprosimex Thăng Long	CT TNHH 1TV Haprosimex	24 049	19 045	79.2%	19 045	79.2%	0	0.0%
59	2	CTCP Mỹ nghệ - Xuất nhập khẩu Hà Nội	CT TNHH 1TV Haprosimex	2 100	630	30.0%	630	30.0%	0	0.0%
60	3	CTCP SXKD Bao bì và hàng xuất khẩu Hà Nội	CT TNHH 1TV Haprosimex	2 000	600	30.0%	600	30.0%	0	0.0%
	<b>VII</b>	<b>CT TNHH 1TV Môi trường đô thị</b>								
61	1	CTCP Môi trường đô thị Từ Liêm	CT TNHH 1TV Môi trường đô thị	60 000	51 150	85.3%	51 150	85.3%	0	0.0%
	<b>VIII</b>	<b>CT TNHH 1TV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội</b>								
62	1	CTCP Kinh doanh và Chế biến thực phẩm	CT TNHH 1TV Đầu tư và PTNN HN	30 000	28 554	95.2%	28 554	95.2%	0	0.0%
	<b>IX</b>	<b>CT TNHH 1TV Nước sạch Hà Nội</b>								
63	1	CTCP Nước tinh khiết Hà Nội	CT TNHH 1TV Nước sạch Hà Nội	8 460	6 155	72.8%	6 155	72.8%	0	0.0%
64	2	CTCP Nước sạch số 2 HN	CT TNHH 1TV Nước sạch Hà Nội	568 000	548 915	96.6%	548 915	96.6%	0	0.0%
	<b>X</b>	<b>CT TNHH 1TV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội</b>								
65	1	CTCP Hào Nam	CT TNHH 1TV Quản lý và PT nhà	6 000	1 200	20.0%	1 200	20.0%	0	0.0%
	<b>XI</b>	<b>CT TNHH 1TV Thoát nước Hà Nội</b>								
66	1	CTCP Thoát nước và dịch vụ đô thị	CT TNHH 1TV Thoát nước Hà Nội	20 000	8 000	40.0%	8 000	40.0%	0	0.0%
	<b>B</b>	<b>Các doanh nghiệp thuộc UBND TP hoặc do các doanh nghiệp thuộc UBND TP làm người đại diện vốn nhà nước</b>		<b>5 861 397</b>	<b>2 306 826</b>		<b>2 306 826</b>		<b>0</b>	
67	1	CTCP Điện tử Giảng Võ	UBND Thành phố Hà Nội	36 000	23 475	65.2%	23 475	65.2%	0	0.0%
68	2	CTCP Địa chính HN	UBND Thành phố Hà Nội	28 800	15 610	54.2%	15 610	54.2%	0	0.0%
69	3	CTCP Cấp nước Sơn Tây	UBND Thành phố Hà Nội	38 800	37 093	95.6%	37 093	95.6%	0	0.0%
70	4	CTCP Cơ điện công trình	UBND Thành phố Hà Nội	186 000	183 935	98.9%	183 935	98.9%	0	0.0%
71	5	CTCP Quản lý và Xây dựng đường bộ 1 Hà Tây	UBND Thành phố Hà Nội	8 600	4 386	51.0%	4 386	51.0%	0	0.0%
72	6	CTCP Giấy Thượng Đình	UBND Thành phố Hà Nội	93 000	63 863	68.7%	63 863	68.7%	0	0.0%
73	7	CTCP Kim khí Thăng Long	UBND Thành phố Hà Nội	192 000	126 805	66.0%	126 805	66.0%	0	0.0%
74	8	CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	UBND Thành phố Hà Nội	769 000	392 190	51.0%	392 190	51.0%	0	0.0%
75	9	CTCP Xích lép Đông Anh	UBND Thành phố Hà Nội	60 000	36 000	60.0%	36 000	60.0%	0	0.0%
76	10	CTCP Nhựa Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	65 000	53 112	81.7%	53 112	81.7%	0	0.0%
77	11	CTCP Bao bì 277 Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	123 000	79 950	65.0%	79 950	65.0%	0	0.0%
78	12	CTCP HBI	UBND Thành phố Hà Nội	510 000	38 500	7.5%	38 500	7.5%	0	0.0%

TT	TT	Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn nhà nước		Kế hoạch thoái vốn		Vốn nhà nước sau khi thoái	
					Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
79	13	CT TNHH Tập đoàn sản xuất hàng dệt may	UBND Thành phố Hà Nội	41 820	8 364	20.0%	8 364	20.0%	0	0.0%
80	14	CTCP In Thương mại Hà Tây	UBND Thành phố Hà Nội	10 800	2 441	22.6%	2 441	22.6%	0	0.0%
81	15	CTCP Môi trường đô thị Hà Đông	UBND Thành phố Hà Nội	47 000	11 985	25.5%	11 985	25.5%	0	0.0%
82	16	CTCP Dệt 19/5 Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	267 400	80 220	30.0%	80 220	30.0%	0	0.0%
83	17	CTCP Dệt Minh Khai	UBND Thành phố Hà Nội	35 000	11 200	32.0%	11 200	32.0%	0	0.0%
84	18	CT Liên doanh Norfolk Hatexco	UBND Thành phố Hà Nội	24 080	8 452	35.1%	8 452	35.1%	0	0.0%
85	19	CTCP Xuân Hòa Việt Nam	UBND Thành phố Hà Nội	201 000	80 561	40.1%	80 561	40.1%	0	0.0%
86	20	CTCP 18-4 Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	67 000	31 811	47.5%	31 811	47.5%	0	0.0%
87	21	CTCP Sản xuất dịch vụ XNK Từ Liêm	UBND Thành phố Hà Nội	10 297	121	1.2%	121	1.2%	0	0.0%
88	22	CTCP Hanel	UBND Thành phố Hà Nội	1 926 000	558 540	29.0%	558 540	29.0%	0	0.0%
89	23	CTCP Mai Động	UBND Thành phố Hà Nội	105 000	31 500	30.0%	31 500	30.0%	0	0.0%
90	24	CTCP Truyền thông Nghe nhìn Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	10 000	4 500	45.0%	4 500	45.0%	0	0.0%
91	25	CTCP Giấy Thụy Khuê	UBND Thành phố Hà Nội	77 000	27 212	35.3%	27 212	35.3%	0	0.0%
92	26	CTCP Sách và thiết bị trường học Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	20 000	7 518	37.6%	7 518	37.6%	0	0.0%
93	27	CTCP Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế	UBND Thành phố Hà Nội	360 000	162 000	45.0%	162 000	45.0%	0	0.0%
94	28	CTCP Thống Nhất Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	237 000	106 650	45.0%	106 650	45.0%	0	0.0%
95	29	CTCP Cơ điện Trần Phú	UBND Thành phố Hà Nội	156 800	60 960	38.9%	60 960	38.9%	0	0.0%
96	30	CTCP Sách Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	155 000	57 872	37.3%	57 872	37.3%	0	0.0%